

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 477/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh

- Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1197/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 559/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: A tổ B khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 63/1/4/20 Võ Thị S, khu phố A, phường T (phường Q cũ), thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1977; Địa chỉ: A tổ B khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Thị Thanh T) và ông Nguyễn Thành C tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được UBND phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, quyền số 01/2014 ngày 24/4/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian và có 02 con chung. Nhưng về sau này thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm trong đời sống, ông C nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm tôi, có 02 lần ông C đánh tôi gây thương tích sưng ở mặt nhưng tôi không có báo Công an. Nhiều lần vợ chồng hòa giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mặc dù tôi và ông C sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm chăm sóc nhau, không còn sinh hoạt vợ chồng từ cuối năm 2022 cho đến nay và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau mỗi người ở một nơi. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được, tôi và ông C không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho tôi (T) được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Tôi (Trần Thị Thanh T) và ông Nguyễn Thành C có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/7/2014 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 20/12/2015. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Ngọc Q cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Đ và Q số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Nay tôi thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng đối với bị đơn như sau: Không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành C phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Ngọc Q.

Cháu Nguyễn Thành Đ hiện đang học Lớp 5/2 Trường Tiểu học N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Cháu Nguyễn Ngọc Q hiện đang học Lớp 4/6 Trường Tiểu học N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện tôi làm nghề tự do, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

Ông Nguyễn Thành C làm nghề tài xế lái xe chở đất đá cho Công ty N1, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tôi không rõ thu nhập của ông C.

- Về tài sản chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Bị đơn Nguyễn Thành C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Thành C không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xét xử cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

+ Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/7/2014 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 20/12/2015. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Ngọc Q cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Thành C vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1977; Địa chỉ: A tổ B khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 11/11/2024. Bị đơn ông Nguyễn Thành C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được UBND phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, quyển số 01/2014 ngày 24/4/2014. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông C được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên lời khai có tại hồ sơ, bà T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành C do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25/10/2024 tại UBND phường T, thành phố B có tại hồ sơ (Bút lục số 36) ghi nhận nội dung: “Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C tại địa chỉ: A tổ B khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hay không địa phương không rõ do không nhận được trình báo hay liên hệ để giải quyết”. Theo Biên bản xác minh tại Công an phường T, thành phố B ngày 25/10/2024 (Bút lục số 37) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Ông ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1977 có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: A tổ B khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Thành C đến trụ sở làm việc, tổ chức phiên họp hòa giải để bà T và ông C đoàn tụ gia đình nhưng ông C đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, hòa giải đoàn tụ được. Việc ông C không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo như bà T trình bày trên là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/7/2014 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 20/12/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Toà án giao 02 con chung Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Ngọc Q cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T hiện làm nghề tự do, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con. Cháu Nguyễn Thành Đ hiện đang học Lớp 5/2, cháu Nguyễn Ngọc Q hiện đang học Lớp 4/6 cùng Trường Tiểu học N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, theo Bản tự khai của cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Ngọc Q cùng ngày 06/6/2024 và Biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Ngọc Q cùng ngày 06/6/2024 có tại hồ sơ (Bút lục số 25-28), nguyện vọng của các cháu Đ và Q sau khi ba mẹ ly hôn được sống chung với mẹ T, ý chí của các cháu Đ và Q là tự nguyện nên ghi nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao của các cháu Đ và Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Thành C vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Thành C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/7/2014 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 20/12/2015 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Nguyễn T1 về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thành C về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003681 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND P. Tân Hạnh, TP. Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết
hôn số 30/2014, quyển số 01/2014
ngày 24/4/2014);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn